

No. 1666

**LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN**  
*Bồ-tát Mã Minh tạo luận*  
*Tam tạng pháp sư Chân Đế dịch.*  
*Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng khắp 10 phương,  
Biết khắp nghiệp tôi thắng,  
Sắc vô ngại tự tại,  
Đấng Đại bi cứu đời.  
Và Phật thân thết tướng,  
Pháp tính biển chân như,  
Chứa vô lượng công đức.  
Người như thật tu hành,  
Vị muốn khiến chúng sinh,  
Trừ nghi xả tà chấp,  
Khởi chính tín Đại thừa,  
Giống Phật không tuyệt dứt.*

Luận:

Có pháp có thể phát khởi tín căn Đại thừa nên phải nói pháp ấy.

Nói pháp ấy có 5 phần.

Những gì là 5?

1. Phần nhân duyên.
2. Phần lập nghĩa.
3. Phần giải thích.
4. Phần tín tâm tu hành.
5. Phần khuyên tu lợi ích.

Trước tiên nói về phần nhân duyên.

Hỏi: Vì nhân duyên gì tạo luận này?

Đáp: Vì có 8 nhân duyên.

Những gì là 8?

1. Nhân duyên chung là muốn làm cho chúng sinh lia tất cả khổ được vui cứu cánh chứ không cầu danh lợi và sự tôn kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai để chúng sinh hiểu đúng không sai lầm.

3. Vì muốn làm cho chúng sinh có thiện căn thuần thực có thể kham nhận pháp Đại thừa lòng tin không thoái lui.

4. Vì muốn làm cho chúng sinh có ít căn lành tu tập tín tâm.

5. Vì muốn chỉ bày phương tiện tiêu nghiệp chướng ác, khéo giữ tâm mình, xa lìa ngu si kiêu mạn, thoát khỏi lưới tà.

6. Vì muốn chỉ bày tu tập chỉ quán, đối trị lỗi lầm của tâm phàm phu và Nhị thừa.

7. Vì muốn chỉ bày phương tiện chuyên niệm để sinh nơi trước Phật thì quyết định không thoái tín tâm.

8. Vì muốn chỉ bày lợi ích để khuyến tu hành.

Vì các nhân duyên trên nên tạo luận.

Hỏi: Trong kinh đã có đủ các pháp này, sao phải nói lại?

Đáp: Trong kinh tuy có pháp này nhưng vì chúng sinh căn hạnh không đồng, tiếp nhận khác nhau hiểu khác nhau.

Nghĩa là khi Như Lai còn tại thế, chúng sinh căn cơ linh lợi, người năng thuyết là Như Lai thì thân tâm siêu việt, khi viên âm diễn nói khác loại đều hiểu nên không phải tạo luận. Còn sau khi Như Lai diệt độ, có chúng sinh có thể do tự sức mình nghe rộng mà hiểu được, có

chúng sinh cũng dùng sức mình nghe ít mà hiểu nhiều, có chúng sinh không có trí lực phải do luận giải rộng mới hiểu, cũng có chúng sinh lại cho rằng văn luận giải nhiều làm rối rắm, chỉ thích nắm lấy văn luận ít mà bao gồm nhiều nghĩa là có thể hiểu được. Vì vậy nên luận này muốn tóm thâu vô biên nghĩa của pháp rộng lớn sâu xa của Như Lai, đó là lý do phải làm luận này.

Đã nói xong phần nhân duyên, tiếp đến nói về phần lập nghĩa.

Về Đại thừa nói chung có 2 loại.

Những gì là hai?

Một là pháp. Hai là nghĩa.

Nói pháp, tức là tâm chúng sinh. Tâm đó bao gồm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Căn cứ nơi tâm này mà hiển thị nghĩa của Đại thừa.

Bởi vì sao?

Vì tướng chân như của tâm ấy là biểu thị cái thể của Đại thừa. Tướng nhân duyên sinh diệt của tâm ấy có thể biểu thị tướng dụng của tự thể Đại thừa.

Phần nói nghĩa có ba.

Những gì là ba?

1. Thể lớn. Nghĩa là chân như của tất cả pháp là bình đẳng không tăng giảm.

2. Tướng lớn. Nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Dụng lớn. Nghĩa là có thể sinh nhân quả thiện của tất cả thế gian xuất thế gian. Tất cả chư Phật vốn đã vận dụng, tất cả Bồ-tát đều vận dụng pháp này mà đạt tới địa vị Như Lai.

Đã nói xong phần lập nghĩa. Tiếp đến nói phần giải thích.

Phần giải thích có ba.

Những gì là ba?

1. Hiện thị chính nghĩa.

2. Đối trị tà chấp.

3. Phân biệt tướng phát tâm tiến tu chính đạo.

Hiện thị chính nghĩa, nghĩa là nơi một tâm pháp có 2 mặt.

Hai mặt ấy là gì?

Một là tâm chân như và hai là tâm sinh diệt. Hai mặt ấy mặt nào cũng bao gồm tất cả pháp.

Nghĩa này là thế nào?

Là 2 mặt này không tách rời nhau. Tâm chân như là cái thể chung bao quát tướng của pháp giới đồng nhất. Nghĩa là tâm tính không sinh không diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai khác, nếu là vọng niệm thì không có tất cả các tướng cảnh giới. Do vậy tất cả pháp xưa nay là tướng nói năng, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không biến đổi khác, không thể phá hoại, chỉ là một tâm nên gọi là chân như. Bởi tất cả lời nói đều là giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm, không thể thủ đắc.

Nói chân như, cũng không có tướng. Nghĩa là cái tốt cùng của ngôn ngữ là nhân lời nói mà phá bỏ lời nói. Còn cái thể chân như này thì không gì có thể phá bỏ. Bởi tất cả các pháp đều chân, không gì có thể thành lập. Bởi tất cả các pháp đều là như, phải biết tất cả pháp là

không thể nói, không thể nghĩ. Do đó gọi là chân như.

Hỏi: Nếu có nghĩa như vậy thì các chúng sinh làm sao tùy thuận mà ngộ nhập được?

Đáp: Nếu biết tất cả các pháp tuy nói ra mà thực sự không ai có khả năng nói, không gì có thể nói, tuy nghĩ mà không ai có khả năng nghĩ, không gì có thể nghĩ. Đó gọi là tùy thuận. Nếu lìa tâm niệm thì gọi là ngộ nhập.

Lại nữa, chân như này theo lời nói mà phân biệt thì có 2 nghĩa.

Thế nào là hai?

1. Là như thật không, vì có thể bày tỏ một cách rõ ràng đúng như thật.

2. Là như thật bất không, vì nó có tự thể đầy đủ công đức của tính vô lậu.

Gọi là không, vì bản lai không tương ưng với tất cả pháp nhiễm. Nghĩa là rời tướng sai biệt của tất cả pháp, do không có tâm niệm hư vọng. Phải biết tự tính chân như không có tướng có, không có tướng không, không có tướng không có không không, không có tướng cũng có cũng không, không có tướng một, không có tướng khác, không có tướng không một không khác, không có tướng cũng một cũng khác. Nói tóm lại do tất cả chúng sinh có vọng tâm, mỗi niệm mỗi niệm phân biệt, tất cả đều không tương ưng; vậy nên nói là không. Nếu rời lìa vọng tâm, thì không có gì có thể gọi là không.

Gọi là bất không, vì khi đã rõ thể tính của các pháp là không, không có hư vọng, thì đó là chân tâm thường hằng không thay đổi, đầy đủ

các pháp thanh tịnh nên gọi là bất không. Bất không đó cũng không có tướng có thể thủ đắc, bởi cảnh giới ly niệm chỉ có thật chứng mới tương ứng mà thôi.

Tâm sinh diệt là do Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt. Nghĩa là bất sinh bất diệt hòa hợp với sinh diệt, không một không khác, gọi đó là thức A-lê-da. Thức này có 2 nghĩa, có thể gồm thâu tất cả các pháp và phát sinh tất cả các pháp.

Thế nào là hai?

1. Là nghĩa của giác.

2. Là nghĩa của bất giác.

Nói nghĩa của giác, là nói cái thể của tâm lìa niệm. Cái tướng lìa niệm đó bằng với hư không, không chỗ nào không cùng khắp. Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai. Căn cứ pháp thân này mà nói thì gọi là bản giác. Bởi vì sao? Vì nghĩa của bản giác là đối lại với nghĩa của thủy giác mà nói. Mà thủy giác thì đồng với bản giác.

Nghĩa của thủy giác là do bản giác mà có bất giác. Do bất giác nên nói có thủy giác. Lại do giác ngộ tốt cùng nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác. Do không giác ngộ tốt cùng nguồn tâm nên gọi là phi cứu cánh giác.

Nghĩa đó thế nào?

Như người phạm phu giác biết niệm trước là ác, nên ngăn được niệm sau không cho khởi. Tuy cũng gọi giác, nhưng vẫn là bất giác.

Như quán trí của Nhị thừa và các Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ nơi tướng niệm khác,

tướng niệm không khác. Do xả bỏ tướng thô phân biệt chấp trước nên gọi là tương tự giác.

Như Pháp thân Bồ-tát v.v... giác ngộ nơi tướng niệm trụ, tướng niệm không trụ. Do lìa bỏ tướng thô phân biệt nên gọi là tùy phần giác.

Như các Bồ-tát bậc cùng tột, đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng, giác tâm mới khởi. Nhưng tâm không có tướng ban đầu bởi xa lìa động niệm vi tế, nên thấy được tâm tính, tâm liền thường trụ, nên gọi là cứu cánh giác. Cho nên kinh nói: Nếu có chúng sinh có thể quán vô niệm, tức là hướng về Phật trí.

Lại nữa có thể biết tâm khởi không có tướng ban đầu. Mà nói biết tướng ban đầu, tức là nói vô niệm. Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là giác, bởi từ bản lai, niệm niệm nối nhau, chưa từng lìa niệm bao giờ, nên gọi là vô thủy vô minh. Nếu được vô niệm thì biết được tướng sinh, trụ, dị, diệt của tâm, bởi vô niệm là bình đẳng. Mà thật sự cũng không có thủy giác nào khác, bởi vì 4 tướng đều đồng thời hiện hữu và không độc lập, bởi bản lai bình đẳng, đồng một tính giác.

Lại nữa, bản giác theo nhiệm phân biệt, mà sinh 2 tướng, và cùng với bản giác không tách rời nhau.

Hai tướng ấy là gì?

1. Là tướng thanh tịnh của trí.
2. Là tướng không thể nghĩ bàn của nghiệp.

Tướng thanh tịnh của trí là theo sức huân tập của chính pháp, như thật tu hành, đầy đủ phương tiện nên phá được tướng hòa hợp của

thức, diệt được tướng tương tục của tâm, hiển hiện pháp thân, trí hoàn toàn thanh tịnh.

Nghĩa đó thế nào?

Nghĩa là bởi tất cả tướng của tâm thức đều là vô minh. Tướng vô minh lại không tách rời tính giác, không thể hủy hoại, cũng không phải không thể hủy hoại.

Như nước biển lớn, do gió làm động sóng. Tướng nước và tướng gió không tách rời nhau, nhưng nước không có tính động. Nếu gió ngừng thì tướng động liền diệt, còn tính ướt thì không mất.

Tự tính thanh tịnh tâm của chúng sinh cũng vậy, do gió vô minh làm động. Tâm và vô minh đều không hình tướng, không tách rời nhau, nhưng tâm không có tính động. Nếu vô minh diệt thì sự tương tục diệt, còn tính trí thì không mất.

Tướng không thể nghĩ bàn của nghiệp là y nơi tướng thanh tịnh của trí có thể tạo ra tất cả cảnh giới thắng diệu. Nghĩa là cái tướng vô lượng công đức, thường không tuyệt dứt, tùy theo căn chúng sinh, tự nhiên khế hợp mà hiện nhiều lợi ích.

Lại nữa, thể tướng của bản giác có 4 nghĩa lớn sánh bằng hư không, như mặt gương trong sạch.

Thế nào là bốn?

1. Là mặt gương của Như thật không. Nghĩa là xa lìa tất cả tướng của tâm và cảnh giới. Không pháp nào có thể hiện, vì chẳng phải nghĩa của giác chiếu.



2. Là mặt gương của Nhân huân tập. Nghĩa là Như thật bất không. Tất cả cảnh giới thế gian đều hiện ra trong gương, mà không có gì ở trong ra không có gì ở ngoài vào, không mất không hư, một tâm thường trú, bởi tất cả các pháp là tính chân thật. Lại nữa, bởi tất cả pháp nhiệm không thể nhiệm, thể của trí không lay động, đầy đủ vô lậu mà huân tập cho chúng sinh.

3. Là mặt gương của Pháp xuất ly. Nghĩa là pháp bất không, vượt ra ngoài chướng phiền não, chướng sở tri, rời bỏ tướng hòa hợp của thức chỉ thuần trong sáng thanh tịnh.

4. Là mặt gương của Duyên huân tập. Nghĩa là y nơi mặt gương của Pháp xuất ly, soi khắp tâm chúng sinh, khiến tu thiện căn và tùy theo niệm mà thị hiện.

Nói nghĩa của bất giác, nghĩa là do không biết như thật rằng pháp chân như là một, nên tâm bất giác khởi lên mà có niệm. Cái niệm không có tự tướng, không rời bản giác. Cũng như người mê vì chấp phương hướng nên mới có mê, nếu rời phương hướng thì không có mê. Chúng sinh cũng vậy, dựa vào giác nên có mê, nếu rời tính giác thì không có bất giác. Do có cái tâm vọng tưởng bất giác biết được danh nghĩa, nên vì đó mà nói chân giác. Nếu rời tâm bất giác thì không thể nói có tự tướng chân giác.

Lại nữa, do bất giác nên sinh 3 tướng. Ba tướng đó kết hợp không rời với bất giác kia.

Ba tướng đó là gì?

1. Là tướng của nghiệp vô minh. Do bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp. Giác thì chẳng động, động thì có khổ, vì quả không rời nhân.

2. Là tướng năng kiến. Do tâm động nên có năng kiến, không động thì không có kiến.

3. Là tướng cảnh giới. Do năng kiến nên cảnh giới giả dối hiện ra, lìa kiến thì không có cảnh giới.

Do có duyên cảnh giới nên lại sinh ra 6 tướng.

Sáu tướng là gì?

1. Là tướng trí. Do cảnh giới, tâm khởi phân biệt ưa thích và không ưa thích.

2. Là tướng liên tục. Do tướng trí nên sinh cảm giác khổ vui. Cảm giác khởi niệm, liên tục không gián đoạn.

3. Là tướng chấp thủ. Do cảnh giới duyên niệm của tướng liên tục duy trì những sự khổ vui mà tâm sinh chấp trước.

4. Là tướng chấp danh tự. Do vọng chấp mà phân biệt tướng danh ngôn giả dối.

5. Là tướng khởi nghiệp. Do danh ngôn, chấp trước theo danh ngôn mà gây các nghiệp.

6. Là tướng nghiệp buộc khổ. Nghĩa là do nghiệp mà chịu quả báo, không được tự tại.

Phải biết vô minh có thể sinh ra tất cả pháp nhiễm, bởi tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác.

Lại nữa, giác với bất giác có 2 tướng.

Hai tướng là gì?

1. Là tướng đồng.

2. Là tướng khác.

Nói tướng đồng là như các thứ đồ gốm, đều đồng là tướng của bụi đất. Cũng vậy, các nghiệp huyễn của vô lậu, vô minh đều đồng là tướng của tính chân như.

Cho nên trong kinh theo nghĩa của chân như đó mà nói tất cả chúng sinh bản lai thường trụ nhập pháp Niết-bàn Bồ-đề, không phải là tướng tu được, không phải là tướng tạo tác được. Hoàn toàn không có gì được cả, cũng không có sắc tướng có thể thấy. Nhưng có thấy sắc tướng là chỉ do nghiệp nhiễm giả tạo ra, chứ không phải tính bất không của trí sắc, bởi tướng của trí không thể thấy được.

Nói tướng khác là như các thứ đồ gốm, mỗi thứ mỗi thứ không giống nhau. Cũng vậy vô lậu và vô minh tùy theo nhiễm huyễn khác nhau mà tính nhiễm huyễn khác nhau.

Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, nghĩa là chúng sinh do tâm, ý, ý thức chuyển.

Nghĩa đó thế nào?

Do thức A-lê-da mà nói có vô minh bất giác khởi lên. Thấy được, hiện được, chấp thủ cảnh giới, khởi niệm liên tục nên gọi là ý.

Ý đó lại có 5 tên gọi.

Năm tên gọi là gì?

1. Tên là nghiệp thức. Nghĩa là do sức vô minh bất giác tâm động.

2. Tên là chuyển thức. Nghĩa là do tâm động mà có tướng năng kiến.

3. Tên là hiện thức. Nghĩa là có thể hiện ra tất cả cảnh giới. Ví như gương sáng hiện ra các hình ảnh. Hiện thức cũng vậy, tùy theo đối cảnh 5 trần đến thì liền hiện, không có trước sau, bởi

trong tất cả thời đều tự động khởi lên, như thường hiện tiền vậy.

4. Tên là trí thức. Nghĩa là phân biệt các pháp nhiệm tịnh.

5. Tên là tương tục thức. Do niệm niệm tương ứng nhau không gián đoạn, duy trì các nghiệp thiện ác trong vô lượng đời quá khứ không cho mất, lại có thể thành tựu quả báo khổ vui hiện tại và vị lai không sai trái, và có thể làm cho những gì đã trải qua, hiện giờ bỗng nhiên nhớ lại, và bất chợt vọng nghĩ đến những việc chưa xảy ra trong tương lai.

Cho nên 3 cõi là giả dối, chỉ do tâm tạo ra. Là tâm không có cảnh giới 6 trần.

Nghĩa đó là thế nào?

Là vì tất cả các pháp đều do tâm khởi vọng niệm sinh ra, nên tất cả sự phân biệt là phân biệt tự tâm. Song tâm không thấy tâm, tâm không có tướng gì có thể thấy.

Phải biết tất cả cảnh giới thế gian đều do vọng tâm vô minh của chúng sinh mà tồn tại. Cho nên tất cả pháp như bóng trong gương, không có tự thể có thể nắm bắt được. Đó chỉ là hư vọng nơi tâm, do tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt.

Lại nữa, nói ý thức, tức là nói cái tương tục thức này. Bởi các phàm phu, chấp trước sâu nặng, chấp ngã, ngã sở và các vọng chấp theo sự mà vin cái nọ bắt cái kia, phân biệt 6 trần, nên gọi là ý thức, cũng gọi là phân ly thức, cũng gọi là phân biệt sự thức. Thức này là do nghĩa kiến ái phiền não tăng trưởng.

Do huân tập của vô minh mà khởi ra thức, nghĩa đó không phải phàm phu biết được, cũng không phải trí tuệ Nhị thừa hiểu được. Phải Bồ-tát từ bắt đầu được chính tín phát tâm quán sát, nếu chứng được pháp thân thì biết được phần ít, nhưng cho đến cứu kính địa của Bồ-tát cũng không biết hết được, duy có Phật mới biết rõ cùng tột.

Bởi vì sao ? Vì tâm ấy tự tính bản lai thanh tịnh mà có vô minh, bị vô minh nhiễm mà có nhiễm tâm, tuy có nhiễm tâm mà thường không biến đổi. Cho nên nghĩa này duy có Phật mới biết được.

Nghĩa đó là tâm tính thường không có niệm nên gọi là bất biến. Bởi không thấu suốt lý một pháp giới nên tâm không tương ứng mà bỗng nhiên niệm khởi lên nên gọi là vô minh.

Nhiễm tâm có 6 thứ.

Sáu thứ là những gì?

1. Là chấp tương ưng nhiễm. Theo giải thoát của Nhị thừa và bậc tín tương ưng thì được xa lìa.

2. Là bất đoạn tương ưng nhiễm. Do bậc tín tương ưng, tu học phương tiện, rời bỏ dần dần, khi đến bậc tịnh tâm thì rời bỏ rốt ráo.

3. Là phân biệt trí tương ưng nhiễm. Do bậc cụ giới rời bỏ dần dần, đến bậc vô tướng phương tiện thì rời bỏ rốt ráo.

4. Là hiện sắc bất tương ưng nhiễm. Do sắc tự tại thì rời bỏ được.

5. Là năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm. Do bậc tâm tự tại thì rời bỏ được.

6. Là căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm. Do tột cùng bậc Bồ-tát được vào bậc Như Lai thì rời bỏ được.

Về nghĩa không rõ lý một pháp giới thì từ bậc tín tương ưng, quán sát tu học mà đoạn, vào bậc tịnh tâm thì rời bỏ từng phần, đến bậc Như Lai mới rốt ráo rời bỏ hết.

Nói nghĩa của tương ưng, nghĩa là tâm niệm pháp khác nhau. Nhưng do nhiễm tịnh sai khác mà tướng biết tướng duyên đồng nhau.

Nói nghĩa của bất tương ưng, tức là tâm bất giác mà thường không khác biệt, vì tướng biết tướng duyên không đồng nhau.

Lại nữa, nghĩa của nhiễm tâm, gọi là phiền não ngại vì có thể chướng ngại chân như căn bản trí. Nghĩa của vô minh, gọi là trí ngại, vì có thể chướng ngại thế gian tự nhiên nghiệp trí.

Nghĩa này là thế nào?

Nghĩa là do nhiễm tâm mà thấy, mà hiện, mà vọng chấp cảnh giới, trái với tính bình đẳng. Bởi tất cả pháp thường vắng lặng, không có tướng sinh khởi. Nhưng vô minh bất giác, giả dối trái với pháp nên không thể được cái trí tùy thuận rõ biết tất cả cảnh giới thế gian.

Lại nữa, có 2 thứ tướng phân biệt sinh diệt.

Hai thứ tướng là những gì?

1. Là thô, tương ưng với tâm.
2. Là tế, không tương ưng với tâm.

Lại nữa, cái thô trong thô là cảnh giới phàm phu. Cái tế trong thô và cái thô trong tế là cảnh giới Bồ-tát. Cái tế trong tế là cảnh giới Phật.

Hai thứ sinh diệt này vô minh huân tập mà có. Đó là do nhân và do duyên. Do nhân là nghĩa của bất giác. Do duyên là nghĩa của cảnh giới giả tạo. Nếu nhân diệt thì duyên diệt. Nhân diệt thì tâm bất tương ưng diệt. Duyên diệt thì tâm tương ưng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì sao lại tương tục? Nếu tương tục thì làm sao nói rốt ráo diệt?

Đáp : Nói diệt là chỉ cái tướng của tâm diệt, chứ không phải cái thể của tâm diệt. Như gió nương nơi nước mà có tướng động. Nếu nước diệt thì tướng gió dứt mất, không chỗ nương. Bởi nước không diệt nên tướng gió tương tục. Chỉ gió diệt nên tướng động theo đó mà diệt, chứ không phải nước diệt.

Vô minh cũng vậy, nương nơi thể của tâm mà động. Nếu thể của tâm mà diệt thì chúng sinh tuyệt mất không chỗ nương. Bởi cái thể không diệt nên tâm được tương tục. Chỉ cái si mê diệt nên tướng của tâm diệt theo, chứ không phải tâm trí diệt.

Lại nữa, vì có nghĩa của 4 pháp huân tập nên pháp nhiệm pháp tịnh không ngớt khởi lên.

Bốn pháp là những gì?

1. Là pháp tịnh gọi là chân như.
2. Là tất cả nhân của nhiệm, gọi là vô minh.
3. Là vọng tâm, gọi là nghiệp thức.
4. Là cảnh giới vọng, tức 6 trần.

Nghĩa huân tập là giống như y phục vốn không có mùi thơm, nhưng nếu người ta dùng hương thơm xông ướp thì có mùi thơm.

Nghĩa của huân tập này cũng như vậy. Pháp tịnh chân như, thật sự không có nhiễm, chỉ vì vô minh huân tập nên có tướng nhiễm. Pháp nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp tịnh, nhưng dùng chân như huân tập thì có dụng tịnh.

Thế nào là huân tập khởi pháp nhiễm không dứt?

Nghĩa là do pháp chân như nên có vô minh, do có vô minh là cái nhân của pháp nhiễm nên liền huân tập chân như. Do sự huân tập ấy nên có vọng tâm. Do có vọng tâm nên liền huân tập vô minh và do đó không rõ pháp chân như nên niệm bất giác khởi hiện ra cảnh giới vọng. Do có cái duyên của pháp nhiễm cảnh giới vọng nên liền huân tập vọng tâm, khiến cho khởi niệm chấp trước tạo các thứ nghiệp, chịu tất cả các thứ khổ nơi thân tâm.

Huân tập của cảnh giới vọng có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập tăng trưởng các niệm.
2. Là huân tập tăng trưởng sự chấp thủ.

Huân tập của vọng tâm có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập căn bản nghiệp thức, phải chịu cái khổ sinh diệt của các A la hán, Bích-chi-phật và tất cả Bồ-tát.

2. Là huân tập tăng trưởng phân biệt sự thức, phải chịu nghiệp hệ khổ của phàm phu.

Huân tập của vô minh có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập căn bản, do có thể thành tựu nghĩa của nghiệp thức.



2. Là huân tập khởi kiến ái, do có thể thành tựu nghĩa của phân biệt sự thức.

Thế nào là huân tập khởi ra pháp tính không dứt?

Nghĩa là do có pháp chân như nên huân tập được vô minh. Do sức nhân duyên huân tập ấy nên khiến vọng tâm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn. Do nhân duyên chán khổ cầu vui của vọng tâm ấy nên liền huân tập chân như, tự tin tính mình, biết tâm vọng động, chứ không có cảnh giới tiền trần, và tu pháp viễn ly. Do như thật biết không có cảnh giới tiền trần nên dùng nhiều phương tiện khởi tùy thuận tu hành, không chấp thủ, không nghĩ nhớ, cho đến nhờ sức huân tập lâu ngày mà vô minh diệt. Do vô minh diệt nên tâm không khởi lên nữa. Do tâm không khởi lên nên cảnh giới theo đó mà diệt. Do nhân duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết sạch, gọi là được Niết-bàn, thành tựu nghiệp tự nhiên.

Huân tập của vọng tâm có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập của phân biệt sự thức. Nghĩa là do phàm phu và Nhị thừa chán cái khổ sinh tử nên tùy khả năng mà lần hồi tiến đến đạo vô thượng.

2. Là huân tập của ý. Nghĩa là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, mau chóng đến Niết-bàn.

Huân tập của chân như có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập của tướng tự thể.

2. Là huân tập của dụng.

Huân tập của tướng tự thể là từ vô thủy đến nay đầy đủ các pháp vô lậu.

Huân tập của dụng là sẵn đủ cái tính tạo ra cảnh giới của nghiệp không thể nghĩ bàn. Do sự huân tập thường xuyên của 2 nghĩa ấy và do có sức huân tập đó, nên có thể khiến chúng sinh chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, tự tin thân mình có pháp chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu có nghĩa như vậy thì tất cả chúng sinh đều được chân như huân tập một cách bình đẳng, sao lại có người tin, người không tin, có vô số chuyện trước sau khác nhau? Lẽ ra tất cả đều phải đồng thời tự biết có pháp chân như, siêng năng tu phương tiện và bình đẳng nhập Niết-bàn chứ?

Đáp : Chân như vốn là một, nhưng có vô lượng vô biên vô minh bản lai tự tính khác nhau, dày mỏng không đồng. Lại có những đẳng thượng phiền não khác nhau, dựa vào vô minh mà khởi lên hơn cả số cát sông Hằng. Lại có những phiền não ngã kiến ái nhiễm khác nhau, dựa vào vô minh mà khởi lên. Tất cả những phiền não dựa vào vô minh mà khởi lên, có trước có sau khác nhau vô lượng như thế, chỉ Như Lai mới biết được.

Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân, có duyên. Nhân duyên đầy đủ mới thành tựu. Như tính lửa trong cây là nguyên nhân chính của lửa. Nhưng nếu không ai biết, không nhờ phương tiện thì cái cây không thể tự đốt được.

Chúng sinh cũng vậy, tuy có sức huân tập của chính nhân, nhưng nếu không gặp chư Phật Bồ-tát và thiện tri thức.v.v... để làm cái duyên,

mà tự đoạn được phiền não, vào được Niết-bàn là không có chuyện đó.

Nếu tuy có sức ngoại duyên mà pháp tính bên trong chưa có sức huân tập, thì cũng không thể hoàn toàn chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn.

Nếu nhân duyên đầy đủ, nghĩa là tự mình có sức huân tập, lại được nguyện từ bi của chư Phật Bồ-tát hộ trì, thì có thể khởi tâm chán khổ, tin có Niết-bàn và tu tập thiện căn. Do tu tập thiện căn thành tựu nên khi gặp chư Phật Bồ-tát chỉ dạy đường tu lợi lạc, mới có thể tu tiến hướng về đạo Niết-bàn.

Huân tập của dụng tức là cái sức ngoại duyên đối với chúng sinh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa. Lược nói có 2 thứ.

Hai thứ là những gì?

1. Là duyên sai biệt.
2. Là duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, là người đó nương nơi chư Phật Bồ-tát v.v... từ khi mới phát ý cầu đạo cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian đó hoặc được trông thấy, hoặc nghĩ nhớ đến, hoặc được chư Phật Bồ-tát hiện làm quyên thuộc cha mẹ bà con, hoặc làm người giúp việc, hoặc làm bạn quen biết, hoặc làm oan gia, hoặc khởi 4 nhiếp pháp, cho đến làm tất cả vô lượng các duyên để phát khởi sức Đại bi huân tập, có thể khiến chúng sinh đó tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy, hoặc nghe, đều được lợi ích.

Duyên đó có 2 thứ.

Hai thứ đó là những gì?

1. Là duyên gần, vì mau được độ.

2. Là duyên xa, vì lâu mới được độ.

Hai duyên xa và gần đó, phân tích ra lại có 2 thứ.

Hai thứ đó là những gì?

1. Là duyên tăng trưởng các hành.

2. Là duyên tiếp thụ chính pháp.

Duyên bình đẳng, là tất cả chư Phật Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên thường xuyên huân tập không rời bỏ, dùng cái sức trí đồng thể, tùy theo chúng sinh thấy nghe như thế nào mà hiện các tác nghiệp. Nghĩa là chúng sinh nương nơi Tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật.

Phân biệt các thể dụng của huân tập ấy lại có 2 thứ.

Hai thứ ấy là những gì?

1. Là chưa tương ưng. Nghĩa là các phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát mới phát tâm v.v... dùng ý, ý thức mà huân tập, dựa vào sức tin mà tu hành, chưa được tâm vô phân biệt tương ưng với thể của chân như, chưa được nghiệp tự tại tu hành tương ưng với dụng của chân như.

2. Là đã tương ưng. Nghĩa là các vị pháp thân Bồ-tát đã được tâm vô phân biệt tương ưng với trí và dụng của chư Phật, thì chỉ nương nơi pháp lực, tự nhiên tu hành, huân tập chân như mà diệt vô minh.

Lại nữa, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngớt huân tập, cho đến sau khi thành Phật mới dứt. Pháp tịnh huân tập thì tội đời vị lai không bao giờ dứt.

Nghĩa đó như thế nào?

Nghĩa là do pháp chân như thường huân tập nên vọng tâm liền diệt, pháp thân hiển hiện, khởi huân tập của dụng nên không dứt.

Lại nữa, về tướng tự thể của chân như thì nơi tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát và chư Phật, đều không thêm bớt, không phải thời trước sinh, không phải thời sau diệt, rốt ráo thường hằng; từ xưa đến nay tính tự viên mãn, đầy đủ tất cả công đức. Nghĩa là tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh, có nghĩa soi khắp pháp giới, có nghĩa nhận biết chân thật, có nghĩa tự tính thanh tịnh tâm, có nghĩa thường lạc ngã tịnh, có nghĩa tự tại trong lành không biến đổi, có nghĩa đầy đủ Phật pháp, không lìa, không đoạn, không khác, không thể nghĩ bàn như thể quá hơn số cát sông Hằng, cho đến đầy đủ tất cả, không thiếu sót một nghĩa nào, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Như Lai pháp thân.

Hỏi: Trên đây nói cái thể của chân như bình đẳng, lìa tất cả tướng. Sao nay lại nói cái thể ấy có nhiều thứ công đức?

Đáp : Tuy thật có các công đức ấy mà không có tướng khác nhau, bình đẳng đồng một mùi vị là chỉ có một chân như.

Nghĩa đó như thế nào?

Do không phân biệt, lìa các tướng phân biệt nên không có hai.

Lại do nghĩa gì có thể nói là sai biệt?

Do dựa vào tướng sinh diệt của nghiệp thức mà biểu thị.

Biểu thị như thế nào?

Bởi tất cả pháp bản lai là duy tâm, thật không có gì để khởi niệm, nhưng do có vọng tâm nên bất giác khởi niệm thấy các cảnh giới nên gọi là vô minh.

Tâm tính không khởi, tức là nghĩa của ánh sáng đại trí tuệ. Nếu tâm khởi cái thấy thì liền có tướng không thấy. Tâm tính là được cái thấy, tức soi khắp pháp giới.

Nếu tâm có động thì không nhận biết chân thật, không có tự tính, không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh, mà đối lại là nóng bức, rầu rĩ, suy đồi, biến đổi, không tự tại, cho đến đủ các vọng nhiễm còn hơn số cát sông Hằng.

Tâm tính không động thì có các tướng tịnh công đức hiện ra còn hơn số cát sông Hằng.

Nếu tâm có khởi lên, lại thấy có pháp tiền cảnh có thể suy niệm thì có chỗ thiếu. Như vậy các pháp tịnh, có vô lượng công đức tức là nhất tâm, không có suy niệm, cho nên đầy đủ, được gọi là pháp thân tạng chứa Như Lai.

Lại nữa, cái dụng của chân như, nghĩa là chư Phật Như Lai, trong khi ở địa vị tu nhân phát Đại từ bi, tu các pháp Ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sinh, lập thế nguyện lớn muốn độ thoát hết tất cả chúng sinh, không hạn kiếp số, tận cùng vị lai, vì lấy tất cả chúng sinh làm thân mình, mà cũng không chấp thủ tướng chúng sinh.

Đó là vì nghĩa gì?

Vì biết như thật tất cả chúng sinh với thân mình đều đồng một chân như bình đẳng, không sai khác. Do có trí đại phương tiện như vậy, trừ

diệt vô minh, thấy pháp thân bản lai, tự nhiên mà có các dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, tức cùng với chân như bình đẳng cùng khắp mọi nơi.

Lại nữa, cũng không có cái tướng dụng có thể có được. Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là pháp thân, là thân của trí tướng. Đệ nhất nghĩa đế không có cảnh giới của thế đế, lìa các thi vi tạo tác, chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe mà được lợi ích nên gọi là dụng.

Dụng của chân như có 2 thứ.

Hai thứ là những thứ gì?

1. Là do nơi phân biệt sự thức, là chỗ mà tâm phàm phu và Nhị thừa thấy được, gọi là ứng thân. Vì họ không biết do chuyển thức hiện ra, thấy từ ngoài đến, chấp lấy những phần loại của sắc tướng nên không biết hết được.

2. Là do nơi nghiệp thức, nghĩa là chỗ thấy của tâm các Bồ-tát, từ khi mới phát tâm cho đến địa vị rốt ráo, gọi là báo thân. Thân ấy có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hình hảo, chỗ ở y báo cũng có vô lượng trang nghiêm, theo sự thị hiện, không có biên giới, không có cùng tột, rời tướng phần loại, theo chỗ sở ứng, thường được duy trì không hư không mất. Các công đức như vậy đều nhân sự huân tập của các hạnh vô lậu Ba-la-mật v.v... và sự huân tập không thể nghĩ bàn mà thành tựu đầy đủ vô lượng tướng vui nên gọi là báo thân.

Lại nữa, phàm phu thấy thân Phật là thấy cái sắc thô, tùy theo 6 đường chúng sinh thấy khác nhau, có nhiều thứ dị loại, không phải là tướng thụ lạc nên gọi là ứng thân.

Lại nữa, các Bồ-tát mới phát tâm thấy được thân Phật là do tin sâu pháp chân như nên thấy được phần ít, biết các sắc tướng trang nghiêm kia không đến không đi, lia các phần loại, chỉ do tâm hiện, không rời chân như. Nhưng các Bồ-tát đó còn tự phân biệt mình với Phật khác nhau do chưa hội nhập địa vị pháp thân. Nếu được tịnh tâm thì chỗ thấy vi diệu, cái dụng chuyển thành thù thắng, cho đến tột cùng địa vị Bồ-tát thì thấy được rốt ráo. Nếu rời nghiệp thức thì không có kiến tướng, bởi pháp thân chư Phật không có sắc tướng, đây kia cùng thấy nhau.

Hỏi : Nếu pháp thân chư Phật lia các sắc tướng, thì sao lại hiện được sắc tướng?

Đáp : Tức là pháp thân đó là cái thể của sắc tướng nên hiện được sắc tướng. Nghĩa là sắc và tâm bản lai không hai. Bởi cái tính của sắc tức là trí, nên sắc thể không hình gọi là trí thân. Bởi cái tính của trí tức là sắc, nên gọi là pháp thân cùng khắp tất cả mọi nơi. Các sắc hiện ra không có giới hạn, tùy tâm có thể thị hiện 10 phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi khác nhau, nhưng đều không giới hạn, không ngăn ngại nhau. Điều đó không phải tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đó là nghĩa tự tại dụng của chân như.

Tiếp theo là làm rõ ý nghĩa thế nào là từ sinh diệt môn nhập vào chân như môn.

Nghĩa là suy tìm sắc và tâm nơi thân 5 ấm. Cảnh giới 6 trần đều rốt ráo không có niệm, mà



tâm thì không có hình tướng, cho nên tìm cầu khắp 10 phương, cũng không thể có được.

Như người mê lầm bảo phương Đông là phương Tây, nhưng thật sự phương hướng không chuyển đổi.

Chúng sinh cũng vậy, do vô minh mê lầm bảo tâm là niệm, nhưng thật sự tâm thì không động. Nếu có khả năng quán sát biết tâm không khởi niệm thì liền được tùy thuận vào chân như môn.

Đối trị tà chấp, là tất cả tà chấp đều do kiến chấp về ngã. Nếu lìa bỏ ngã thì không có tà chấp.

Kiến chấp về ngã này có 2 thứ.

Hai thứ là những thứ gì?

1. Là kiến chấp về nhân ngã.
2. Là kiến chấp về pháp ngã.

Kiến chấp về nhân ngã, theo tâm phạm phu, có 5 thứ.

Năm thứ là những gì?

1. Là nghe kinh nói: Pháp thân Như Lai rớt ráo vắng lặng, giống như hư không. Do không biết nói vậy là để phá chấp liền cho rằng hư không là tính của Như Lai.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ tướng hư không là pháp giả dối, thể rỗng không thật, do đối lại với sắc mà có cái tướng có thể thấy, khiến tâm sinh diệt. Do tất cả các pháp bản lai là tâm, thật không có ngoại sắc và nếu không có ngoại sắc thì cũng không có tướng hư không.

Nghĩa là tất cả cảnh giới đều duy tâm vọng khởi nên có. Nếu tâm lìa vọng động thì tất cả

cánh giới diệt, chỉ có một chân tâm, không chỗ nào không cùng khắp. Đó gọi là nghĩa cứu cánh của tính trí rộng lớn của Như Lai, chứ không phải như tướng hư không.

2. Là nghe kinh nói: Cái thể của các pháp thế gian rốt ráo là rỗng không, cho đến các pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo là rỗng không, bản lai tự là rỗng không, lìa tất cả tướng. Do không biết nói vậy là để phá chấp, liền cho rằng cái tính của chân như Niết-bàn chỉ là rỗng không.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ pháp thân chân như tự thể chẳng phải rỗng không, mà đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Là nghe kinh nói: Như Lai tạng không có thêm bớt, tự thể đầy đủ tất cả các pháp công đức. Do không hiểu thấu, liền cho rằng Như Lai tạng có các sắc pháp và tâm pháp có tự tướng khác nhau.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ là dựa theo nghĩa chân như mà nói như vậy và do nghĩa pháp nhiệm sinh diệt mà nói là khác nhau.

4. Là nghe kinh nói: Tất cả pháp nhiệm sinh tử thế gian đều do Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp không lìa chân như. Do không hiểu thấu nên cho rằng tự thể Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp sinh tử thế gian.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu cái nghĩa Như Lai tạng bản lai chỉ có các công đức thanh tịnh, còn hơn cả số cát sông Hằng, không lìa, không dứt, không

khác chân như. Bởi các pháp nhiệm phiền não hơn cả số cát sông Hằng chỉ là giả có, tính vốn tự rỗng không, bản lai chưa hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu Như Lai tạng tự thể có các pháp giả dối mà khi chứng ngộ lại vĩnh viễn dứt được vọng là không có chuyện đó..

5. Là nghe kinh nói: Do Như Lai tạng mà có sinh tử, do Như Lai tạng mà được Niết-bàn. Do không hiểu thấu nên lại cho rằng chúng sinh có bắt đầu. Do chấp có cái bắt đầu nên lại cho rằng Niết-bàn Như Lai chứng được, cũng có cái cuối cùng phải hết và Như Lai sẽ trở lại làm chúng sinh.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rằng Như Lai tạng không có cái thời trước Như Lai tạng, và cái tướng vô minh cũng không có cái bắt đầu. Nếu nói ngoài 3 cõi, còn có chúng sinh bắt đầu phát khởi, tức là nói theo ngoại đạo.

Lại nữa, Như Lai tạng cũng không có cái thời sau Như Lai tạng, nên Niết-bàn mà chư Phật đã chứng tương ưng với Như Lai tạng, cũng không có thời sau.

Kiến chấp về pháp ngã, là do Nhị thừa độn căn nên Như Lai vì họ chỉ nói nhân vô ngã. Do nói không rớt ráo nên họ thấy có pháp 5 âm sinh diệt mà sợ hãi sinh tử, vọng chấp lấy Niết-bàn.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu pháp ngũ âm tự tính không sinh nên không có diệt, bản lai là Niết-bàn.

Lại nữa, rớt ráo lìa vọng chấp là phải biết pháp nhiệm pháp tịnh đều đối đãi nhau, không

thể nói có tự tướng. Cho nên tất cả pháp xưa nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, không thể nói rõ cái tướng của các pháp được. Vậy mà có nói ra thì phải biết đó là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn lời nói để dắt dẫn chúng sinh. Nhưng chỉ thú đều là lìa niệm, qui về chân như. Vì đã khởi niệm các pháp là khiến tâm sinh diệt, không vào được thật trí.

Phân biệt tướng phát tâm tu hành hướng về Phật đạo, nghĩa là tất cả các Bồ-tát đều phát tâm tu hành hướng về cái đạo mà tất cả chư Phật đã chứng.

Nói sơ lược, phát tâm có 3 thứ.

Ba thứ là những gì?

1. Là thành tựu chính tín mà phát tâm.
2. Là giải hành phát tâm.
3. Là chứng phát tâm.

Thành tựu chính tín mà phát tâm, là theo hạng người nào, tu hạnh gì thì thành tựu được chính tín và có thể phát tâm. Nghĩa là với chúng sinh trong bất định tụ có sức thiện căn huân tập, tin nghiệp báo, có thể khởi thập thiện, chán khổ sinh tử, mong cầu vô thượng Bồ-đề, được gặp chư Phật, đích thân phụng sự cúng dường, tu hành tín tâm trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu nên được chư Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc do Đại bi mà tự phát tâm, hoặc nhân chính pháp sắp diệt, do nhân duyên hộ pháp mà tự phát tâm.

Những người thành tựu chính tín mà phát tâm như vậy sẽ vào chính định tụ, quyết không

thoái lui. Đó được gọi là ở trong dòng giống Như Lai, tương ứng với chính nhân.

Nếu có chúng sinh thiện căn ít ỏi, từ lâu xa đến nay phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật, cũng được cúng dường, nhưng chỉ phát khởi hạt giống nhân thiên, hoặc hạt giống Nhị thừa, và dẫu có cầu pháp Đại thừa thì căn cũng bất định, khi tiến khi thoái.

Hoặc có người cúng dường chư Phật chưa trải qua một vạn kiếp, trong đó gặp duyên cũng có phát tâm, nghĩa là hoặc thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhân cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhân người Nhị thừa dạy bảo khiến phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những người phát tâm như vậy đều là bất định, gặp nhân duyên xấu, có thể thoái lui rơi vào địa vị Nhị thừa.

Lại nữa, thành tựu chính tín mà phát tâm là phát những tâm gì?

Nói sơ lược có 3 thứ.

Ba thứ là những gì?

1. Là tâm ngay thẳng, tức chính niệm pháp chân như.

2. Là tâm sâu xa, tức ưa gom góp tất cả các hạnh lành.

3. Là tâm Đại bi, tức muốn cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở trên đã nói pháp giới là một tướng, thể của Phật không hai, sao không chỉ cần niệm chân như mà còn nhờ đến cầu học các hạnh lành?

Đáp: Ví như ngọc báu Đại Ma-ni, thể tính trong sáng mà có quặng bản. Nếu ai chỉ nghĩ

tính quý báu mà không dùng phương tiện mài dũa thì không bao giờ được viên ngọc trong suốt.

Pháp thể chân như của chúng sinh cũng vậy, trong sạch mà có vô lượng phiền não nhiễm bần. Nếu ai chỉ nghĩ chân như mà không dùng nhiều phương tiện tu tập thì cũng không được sự trong sạch. Do có vô lượng sự nhiễm bần cùng khắp tất cả pháp, nên cần tu tất cả hạnh lành để đối trị. Nếu ai tu hành tất cả pháp lành thì tự nhiên quy thuận pháp chân như.

Về phương tiện, nói sơ lược có 4 thứ.

Bốn thứ là những gì?

1. Là phương tiện thực hành căn bản. Nghĩa là quán tất cả pháp là tự tính không sinh, lia nơi vọng kiến, không trụ sinh tử, quán tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất. Từ đó khởi lòng Đại bi, tu các phúc đức nhiếp hóa chúng sinh, không trụ Niết-bàn, bởi thuận theo pháp tính nên không trụ.

2. Là phương tiện ngăn chặn. Nghĩa là biết xấu hổ hối lỗi thì có thể ngăn chặn tất cả pháp ác, không cho tăng trưởng, bởi thuận theo pháp tính nên lia các lỗi lầm.

3. Là phương tiện làm phát khởi và tăng trưởng căn lành. Nghĩa là ân cần cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật. Do tâm thuần hậu yêu kính Tam bảo nên tín tâm được tăng trưởng và có khả năng quyết chí cầu đạo Vô thượng. Lại nhân được sức hộ trì của Phật Pháp Tăng nên tiêu nghiệp chướng, căn lành không thoái lui, do thuận theo pháp tính mà lia các si chướng.

4. Là phương tiện Đại nguyện bình đẳng. Nghĩa là phát nguyện hóa độ tất cả chúng sinh đến tột cùng đời vị lai, không bỏ sót và rớt ráo khiến được vô dư Niết-bàn, do thuận theo pháp tính nên không tuyệt dứt.

Pháp tính rộng lớn, cùng khắp tất cả chúng sinh, bình đẳng không hai, không phân biệt đây kia, rớt ráo tịch diệt. Bồ-tát phát tâm này thì thấy được một phần ít pháp thân. Do thấy được pháp thân nên theo nguyện lực, có thể hiện ra 8 tướng làm lợi ích chúng sinh. Đó là tướng từ cõi trời Đâu-suất xuống, vào thai, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn.

Nhưng vị Bồ-tát đó chưa gọi là pháp thân, do các nghiệp hữu lậu, từ vô lượng đời quá khứ đến nay, chưa dứt hẳn và theo chỗ sinh, còn tương ứng với một ít khổ, là do có sức tự tại của Đại nguyện chứ không phải do nghiệp ràng buộc.

Như trong kinh nói có khi thoái lui sa vào nẻo ác, nhưng không phải thật có thoái lui. Chỉ vì các sơ học Bồ-tát chưa vào địa vị chính định tự mà giải đãi nên nói như vậy để làm cho e sợ và khiến dũng mãnh tinh tiến.

Lại Bồ-tát đó, một khi đã phát tâm rồi, thì không còn khiếp nhược, tuyệt đối không sợ sa vào hàng Nhị thừa. Dầu nghe phải tu hành siêng năng khó nhọc trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì mới được Niết-bàn cũng không khiếp sợ, do đã tin biết tất cả pháp bản lai là tự tính Niết-bàn.

Giải hành phát tâm là phải biết chuyển thắng. Bởi Bồ-tát này từ khi bắt đầu được chính tín đến nay, khi kiếp A-tăng-kì thứ nhất sắp đầy đủ, thì đối với pháp chân như, sự nhận hiểu sâu sắc đã hiện tiền và chỗ tu tập đều đã lìa tướng. Do biết thể của pháp tính là không xan tham nên tùy thuận tu hành Đản Ba-la-mật. Do biết pháp tính là không nhiễm, lìa lỗi 5 dục nên tùy thuận tu hành Thi Ba-la-mật. Do biết pháp tính là không khổ, lìa các giận hờn sầu não nên tùy thuận tu hành Sắng-đề Ba-la-mật. Do biết pháp tính không có tướng thân tâm, lìa giải đãi nên tùy thuận tu hành Tì-lê-da Ba-la-mật. Do biết pháp tính thường định, thể không loạn động nên tùy thuận tu hành Thiên Ba-la-mật. Do biết thể của pháp tính sáng suốt, lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Chứng phát tâm là các Bồ-tát, từ tịnh tâm địa cho đến cứu kính địa, chứng cảnh giới gì?

Đó là chân như. Do dựa vào chuyển thức mà gọi là cảnh giới, chứ chỗ chứng ở đây không có cảnh giới, chỉ có cái trí chân như gọi là pháp thân mà thôi. Bồ-tát này, trong khoảng một niệm, có thể đến khắp 10 phương vô lượng thể giới cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ để khai thị dắt dẫn làm lợi ích cho chúng sinh, chứ không dựa vào văn tự. Hoặc vì các chúng sinh khiếp nhược mà thị hiện vượt bậc, chóng thành chính giác. Hoặc vì các chúng sinh biếng nhác trễ nãi, mà nói ta sẽ thành tựu Phật đạo sau vô lượng kiếp A-tăng-kì.



Các vị lại có thể thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng thật sự thì các Bồ-tát, chủng tính và căn đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chứng cũng bình đẳng, không có pháp vượt bậc, bởi vì tất cả Bồ-tát đều trải qua 3 kiếp A-tăng-kì. Chỉ vì tùy theo chúng sinh trong thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn cơ dục vọng khác nhau nên Bồ-tát thị hiện ra làm cũng khác nhau.

Lại nữa, tướng phát tâm của các Bồ-tát này có 3 tướng tâm vi tế.

Ba tướng tâm vi tế là những gì?

1. Là chân tâm, tức tâm không phân biệt.
2. Là phương tiện tâm, tức tâm tự nhiên làm lợi ích cho khắp chúng sinh.
3. Là nghiệp thức tâm, là tâm còn những khởi diệt vi tế.

Lại nữa, Bồ-tát này khi công đức thành tựu viên mãn, ở cõi trời Sắc cứu cánh, thị hiện thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian.

Nghĩa là do một niệm tương ưng với tuệ thì vô minh liền hết, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên có nghiệp không thể nghĩ bàn, có thể hiện khắp 10 phương làm lợi ích chúng sinh.

Hỏi : Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm thức hành vi sai khác cũng vô biên. Những cảnh giới như vậy thật không giới hạn, khó biết khó hiểu, nếu đoạn vô minh, không còn tâm tướng, thì làm sao rõ được mà gọi là Nhất thiết chủng trí ?

Đáp : Tất cả cảnh giới bản lai là một tâm, lia các tướng niệm. Do chúng sinh vọng thấy

cảnh giới, nên tâm có giới hạn. Do vọng khởi ra tướng niệm, không xứng hợp với pháp tính, nên không thể rõ biết. Chư Phật Như Lai lia thấy, lia tướng, không đâu không cùng khắp. Tâm chân thật tức là tính của các pháp. Tự thể của tâm soi tỏ tất cả vọng pháp, có cái dụng lớn của trí và vô lượng phương tiện, tùy theo chúng sinh thế nào mới hiểu được, thì đều có thể khai thị các thứ pháp nghĩa. Cho nên được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, hiện ra được ở tất cả mọi nơi làm lợi ích chúng sinh, và tất cả chúng sinh nếu được thấy thân Phật, được xem thần thông biến hóa của Phật, hoặc được nghe Phật dạy thì không ai không được lợi ích, vậy sao thế gian phần nhiều không thấy được Phật?

Đáp: Pháp thân chư Phật Như Lai bình đẳng cùng khắp tất cả mọi nơi, không có tác ý nên gọi là tự nhiên, chỉ do tâm chúng sinh mà thị hiện. Tâm chúng sinh như gương soi, nếu gương bản thì hình sắc không hiện được. Tâm chúng sinh cũng vậy, nếu nhiễm bản thì pháp thân không hiện.

Đến đây đã nói xong phần giải thích.

Tiếp theo nói đến phần tín tâm tu hành. Trong đó dựa vào chúng sinh chưa nhập chính định tự mà nói tín tâm tu hành.

Tín tâm là những gì và tu hành như thế nào?

Nói sơ lược, có 4 thứ tín tâm.

Bốn tín tâm là những gì?

1. Là tin căn bản, nghĩa là thích nghi nhớ pháp chân như.

2. Là tin Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ việc gần gũi cúng dàng cung kính, để phát khởi căn lành, mong cầu Nhất thiết trí.

3. Là tin Pháp có lợi ích lớn, thường nghĩ tu hành các pháp Ba-la-mật.

4. Là tin Tăng chân chính tu hành được pháp tự lợi lợi tha, thường thích gần gũi các chúng Bồ-tát, cầu học các hạnh như thật.

Có 5 môn tu hành có thể thành tựu tín tâm này.

Năm môn là những gì?

1. Là bố thí. 2. Là trì giới. 3. Là nhẫn nhục. 4. Là tinh tiến. 5. Là chỉ quán.

Tu pháp môn bố thí như thế nào?

Là nếu có ai đến cầu xin, thì tùy sức mà bố thí tài vật mình có để bỏ tính xan tham của mình và làm cho người kia vui vẻ. Nếu thấy ai ách nạn, bị khủng bố, áp bức nguy khốn, thì tùy khả năng của mình, làm cho người kia không còn sợ hãi. Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, thì tùy khả năng hiểu biết của mình, phương tiện nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ đến tự lợi lợi tha, hồi hướng đạo Bồ-đề.

Tu pháp môn trì giới như thế nào?

Là không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói đâm thọc, không lời ác độc, không nói dối, không nói lời thêu dệt, xa lìa tham lam, ganh ghét, lừa dối, dua nịnh, giận dữ, tà kiến.

Nếu là người xuất gia thì còn vì để bề gãy phiền não mà phải rời xa nơi ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh như Đầu-đà, thiếu dục tri túc. Dù mắc tội nhỏ, cũng sinh tâm e sợ, xấu hổ hối cải. Không được xem nhẹ cảm giới Như Lai đã chế, thường giữ gìn để tránh cơ hiềm, không làm cho chúng sinh vọng khởi tội lỗi.

Tu pháp môn nhẫn nhục như thế nào?

Là nên nhẫn nhịn trước sự quấy rối của người khác, không ôm lòng báo oán và cũng phải chịu được trước những điều lợi, hại, chê, khen, tăng bốc, chế giễu, khổ, vui v.v...

Tu pháp môn tinh tiến như thế nào?

Là đối với các việc thiện, tâm không lười biếng thoái thoát, lập chí kiên cường, xa lìa khiếp nhược. Phải nghĩ từ quá khứ xa xưa đến nay, luống chịu tất cả nỗi khổ lớn nơi thân tâm mà chẳng được ích lợi gì. Cho nên cần phải siêng năng tu các công đức tự lợi lợi tha để chóng thoát các khổ.

Lại nữa, nếu có người, tuy tu hành tín tâm, nhưng do từ đời trước có những nghiệp chướng, tội ác nặng nề, hoặc bị tà ma quỷ quái quấy phá, hoặc bị nhiều công việc thế gian ràng buộc, hoặc bị bệnh tật làm cho đau đớn, tóm lại có nhiều chướng ngại như vậy thì phải dùng mãnh siêng năng, ngày đêm 6 buổi lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề, thường xuyên không nghỉ, không bỏ để được khỏi các chướng và tăng trưởng căn lành.

Tu pháp môn chỉ quán như thế nào?

Chỉ, nghĩa là chấm dứt tất cả các tướng cảnh giới, thuận theo nghĩa quán của Xa-ma-tha. Quán, nghĩa là phân biệt tướng nhân duyên sinh diệt, thuận theo nghĩa quán của Tì-bát-xá-na.

Thuận theo như thế nào?

Là dùng 2 nghĩa ấy, tu tập dần dần, không rời bỏ nhau để cả 2 đều song song hiện tiền.

Nếu tu pháp chỉ thì ở chỗ tĩnh lặng, ngồi ngay ngắn, giữ chính ý, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào không, không dựa vào địa, thủy, hỏa, phong, cho đến không dựa vào sự thấy nghe hay biết, theo niệm mà trừ hết tất cả các tướng đồng thời cũng loại bỏ ý tướng đoạn trừ. Vì tất cả các pháp xưa nay không có tướng, niệm niệm không sinh, niệm niệm không diệt. Cũng không được tùy tâm mà nghĩ đến cảnh giới bên ngoài. Rồi sau dùng tâm mà trừ tâm.

Nếu tâm bồn đảo tán loạn, thì phải thu giữ lại, trụ nơi chính niệm. Phải biết chính niệm đó là chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài.

Lại nữa, ngay nơi cái tâm đó cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể nhận được. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy, đi lại lui tới, hoặc làm việc gì, thì trong tất cả thời thường nhớ đến phương tiện thuận theo mà quán sát. Tập lâu thuần thực thì tâm được an trụ; do tâm an trụ nên dần dần mạnh mẽ sắc bén, thuận theo đó được nhập vào chân như Tam-muội, dẹp sâu phiền não, tín tâm tăng trưởng, chóng thành bất thoái. Chỉ trừ những hạng người nghi hoặc, không tín, phỉ báng, ngã mạn, lừa dối, hoặc

bị những nghiệp chướng tội nặng, thì không thể nhập chân như Tam-muội được.

Lại nữa, do chân như Tam-muội đó mà biết pháp giới là một tướng. Nghĩa là pháp thân tất cả chư Phật cùng với thân chúng sinh là bình đẳng không hai. Đó gọi là Nhất hành Tam-muội. Phải biết chân như là căn bản của Tam-muội, cho nên nếu ai tu pháp chân như Tam-muội thì dần dần sinh được vô lượng Tam-muội.

Có chúng sinh không có sức mạnh của căn lành, bị các tà ma ngoại đạo, quỷ thần, mê hoặc làm rối loạn. Như trong lúc ngồi thiền, chúng hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện các tướng nam nữ xinh đẹp, thì nên niệm cảnh giới duy tâm để diệt trừ, cuối cùng không khuấy phá được. Hoặc chúng hiện hình dạng chư thiên, hình dạng Bồ-tát hoặc cả hình dạng Như Lai, tướng tốt đầy đủ. Hoặc chúng nói thần chú, nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Hoặc chúng nói bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán, không thân, không nhân không quả, nói rồ ráo rỗng không vắng lặng là chân thật Niết-bàn. Hoặc chúng làm cho người ta biết những việc quá khứ đời trước cùng những việc vị lai, được tha tâm thông, được biện tài vô ngại có thể khiến cho chúng sinh tham trước những việc danh lợi thế gian. Hoặc chúng làm cho người ta khi giận khi vui, tính tình bất thường, làm cho có nhiều lòng từ ái, ngủ nhiều, bệnh nhiều; hoặc làm cho cái tâm biếng nhác bỗng dựng khởi tinh tiến, rồi sau lại phế bỏ, sinh tâm nghi nhiều, lo nhiều,

không tin. Hoặc chúng làm cho bỏ pháp tu hành thù thắng trước đây mà tu các tạp nghiệp, hay là mắc vào nhiều thứ ràng buộc về thế sự. Chúng cũng có thể làm cho được các Tam-muội phần nào giống như chân thật Tam-muội, nhưng đều là Tam-muội của ngoại đạo, chứ không phải chân thật Tam-muội. Hoặc chúng cũng làm cho người ta trong 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày cho đến 7 ngày ở trong định, tự nhiên được những thức ăn uông thơm ngon, trong tâm vui thích, không đói không khát, khiến người ưa đắm. Hoặc chúng cũng làm cho người ta ăn không chừng mực, khi nhiều khi ít, nhan sắc biến đổi.

Vì có những sự thể trên đây, người tu hành thường phải dùng trí tuệ quán sát, chớ để tâm mình mắc vào lưới tà, phải siêng tu chính niệm, không chấp trước mới có thể lìa xa các nghiệp chướng đó.

Phải biết các thứ Tam-muội mà ngoại đạo có, đều không tách rời lòng kiến ái ngã mạn, do còn tham đắm những danh lợi cung kính của thế gian.

Chân như Tam-muội thì không bám trụ cái thấy, không bám trụ chỗ sở đắc. Cho đến khi xuất định cũng không biếng lười, ngã mạn, cho nên các phiền não, đã có từ trước, dần dần giảm bớt.

Nếu các phàm phu không tu tập pháp Tam-muội này mà vào được chủng tính Như Lai, là chuyện không thể có. Bởi tu các thiền định Tam-muội thế gian, phần nhiều khởi say đắm, lại do ngã kiến, hệ thuộc vào 3 cõi, chung cùng với ngoại đạo, cho nên nếu rời sự hộ trì

của thiện tri thức thì sẽ khởi lên những kiến chấp ngoại đạo.

Lại nữa, người siêng năng chuyên tâm tu tập Tam-muội này, hiện tại sẽ được 10 thứ lợi ích.

Mười lợi ích là những gì?

1. Được chư Phật Bồ-tát 10 phương hộ niệm.

2. Không bị các tà ma ác quỷ khủng bố.

3. Không bị 95 thứ quỷ thần ngoại đạo mê hoặc, phá rối.

4. Xa lìa sự phỉ báng chính pháp rất sâu, nghiệp chướng tội nặng dần dần giảm bớt.

5. Diệt tất cả nghi hoặc và các ý nghĩ xấu ác.

6. Tăng trưởng lòng tin đối với cảnh giới Như Lai.

7. Xa lìa mọi lo buồn khổ não, ở trong sinh tử, dũng mãnh không khiếp sợ.

8. Tâm nhu hòa, lìa bỏ lòng kiêu mạn, không bị kẻ khác quấy rối.

9. Tuy chưa được định, song trong tất cả thời, tất cả cảnh giới, có thể giảm bớt phiền não, không ưa thích thế gian.

10. Nếu được Tam-muội thì không bị tất cả các thứ âm thanh bên ngoài làm kinh động.

Lại nữa, nếu người tu hành chỉ tu pháp chỉ, thì tâm chìm lặng, hoặc sinh lười biếng, không thích các điều thiện, xa lìa Đại bi, nên cần phải tu quán.

Người tu tập pháp quán phải quán tất cả các pháp hữu vi thế gian là không thể dừng trụ, biến đổi hư hoại trong giây lát, quán tất cả tâm



hành đều niệm niệm sinh diệt, do đó nên khổ. Phải quán tất cả các pháp quá khứ, có thể nhớ được, đều mơ màng như chiêm bao. Phải quán tất cả các pháp hiện tại, có thể nghĩ được, đều như ánh sáng điện chớp. Phải quán tất cả các pháp vị lai, có thể suy được, đều như mây bồng nhiên nổi lên. Phải quán tất cả các thân thể gian đều bất tịnh, có nhiều thứ như nhớt, không một cái gì đáng ưa thích.

Như vậy rồi phải nghĩ tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều do vô minh huân tập, làm cho tâm sinh diệt, mà đã phải chịu những khổ lớn nơi thân tâm. Hiện tại có vô lượng bức bách và vị lai cái khổ cũng không biết đến chừng nào. Chúng sinh như vậy khó rời khó bỏ cái khổ mà không biết, rất đáng thương thay.

Suy nghĩ như vậy thì phải dừng mãnh ngay, lập thế nguyện lớn, nguyện cho tâm mình, do li phân biệt, mà tu hành tất cả các công đức lành cùng khắp 10 phương, đến tột cùng đời vị lai, dùng vô lượng phương tiện cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não, khiến được cái vui Đệ nhất nghĩa của Niết-bàn.

Do phát nguyện như vậy nên trong mọi thời, mọi nơi, có những điều thiện gì, thì tùy khả năng mình mà tu học không bỏ, tâm không biếng nhác. Chỉ trừ lúc tọa thiền thì chuyên tu pháp chỉ, còn trong tất cả các thời khác, đều phải quán sát việc nên làm, việc không nên làm, lúc đi, lúc đứng, lúc nằm, lúc dậy, đều nên song song tu tập chỉ quán.

Nghĩa là tuy nghĩ các pháp tự tính không sinh, nhưng lại nghĩ ngay nhân duyên hòa hợp

thì quả báo khổ vui của các nghiệp lành dữ không hư không mất. Tuy nghĩ đến nhân duyên nghiệp báo lành dữ nhưng cũng nghĩ ngay tự tính của nó là bất khả đắc.

Nếu tu pháp chỉ thì đối trị được việc phạm phu chấp trước thế gian và có thể xả bỏ được kiến chấp khiếp nhược của Nhị thừa.

Nếu tu pháp quán thì đối trị được cái lỗi hẹp hòi của Nhị thừa không khởi Đại bi, và xa lìa được việc phạm phu không tu căn lành.

Do các nghĩa đó nên hai pháp chỉ quán giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu không đủ cả chỉ quán thì không vào được đạo Bồ-đề.

Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này, muốn cầu chính tín mà tâm khiếp nhược, vì sợ ở trong thế giới Ta-bà này không thường được gặp chư Phật để đích thân phụng sự cúng dường, nên tín tâm khó thành tựu, ý muốn thoái lui, thì nên biết rằng Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp hộ trì tín tâm.

Nghĩa là nhờ nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, mà tùy nguyện được sinh vào cõi Phật phương khác, thường được thấy Phật, hằng lìa ác đạo.

Như kinh nói: Nếu ai chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, hồi hướng căn lành đã tu để cầu nguyện sinh về thế giới ấy, thì liền được vãng sinh và nhờ được thấy Phật nên không thoái lui.

Nếu quán được pháp thân chân như của đức Phật kia và thường siêng năng tu tập, cuối

cùng sẽ được vãng sinh vì đã trụ nơi chính định.

Đã nói xong phần tu hành tín tâm.

Tiếp đến nói về phần lợi ích để khuyên tu.

Như vậy pháp Đại thừa là kho tàng sâu kín của chư Phật, tôi đã tổng quát nói xong. Nếu có chúng sinh muốn sinh được chính tín và không phỉ báng cảnh giới rất sâu của Như Lai để vào con đường Đại thừa, thì nên giữ lấy Luận này, suy nghĩ tu tập cuối cùng có thể đến được đạo vô thượng.

Nếu ai nghe pháp này rồi, không sinh lòng khiếp nhược, thì phải biết người đó quyết định sẽ nói dòng giống Phật, chắc chắn được chư Phật thụ ký.

Giả sử có người giáo hóa chúng sinh đầy khắp 3 ngàn Đại thiên thế giới, khiến tu hành Thập thiện, cũng không bằng người trong khoảng thời gian một bữa ăn, chân chính suy nghĩ pháp này. Công đức người sau hơn công đức người trước rất nhiều, không thể lấy gì ví dụ được.

Lại nữa, nếu có người giữ Luận này, quán sát tu hành, dầu chỉ trong một ngày một đêm, công đức người ấy vô lượng vô biên, không thể nói xiết. Dầu cho tất cả chư Phật 10 phương, mỗi mỗi đều khen ngợi công đức ấy trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì cũng không hết được. Bởi vì sao? Vì công đức của pháp tính không hết, nên công đức người ấy cũng như vậy, là không có bờ bến.

Nếu có chúng sinh, đối với Luận này, chê bai không tin thì tội báo phải chịu khổ não lớn trong vô lượng kiếp.

Cho nên chúng sinh chỉ nên tín ngưỡng, không nên phỉ báng, đã rất hại mình còn hại người khác, làm tuyệt dứt tất cả hạt giống Tam bảo, bởi tất cả Như Lai đều do pháp này mà được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát đều nhân tu hành pháp này mà vào được trí tuệ của Phật.

Phải biết các Bồ-tát quá khứ đã do pháp này mà thành tựu được tín tâm thanh tịnh, các Bồ-tát hiện tại nay do pháp này mà thành tựu được tín tâm thanh tịnh, các Bồ-tát vị lai cũng sẽ do pháp này mà thành tựu được tín tâm thanh tịnh. Cho nên chúng sinh phải siêng năng tu học.

*Chư Phật rất sâu nghĩa rộng lớn,  
Nay đã từng phân nói tổng quát.  
Hồi hướng công đức như pháp tính,  
Làm lợi ích tất cả chúng sinh./*

**LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN**  
**( Hết )**